**Tiết 54 : ÔN TẬP CHƯƠNG III**

**I.MỤC TIÊU**:

**1.Kiến thức:**

**-** Hệ thống các kiến thức của chương III: đoạn thẳng tỉ lệ, định lí Talet, Talet đảo, tính chất đường phân giác trong tam giác, các trường hợp đồng dạng của tam giác.

**-** Chứng minh, viết các cặp cạnh tỉ lệ tương ứng của 2 tam giác đồng dạng, tính độ dài, chứng minh đẳng thức về cạnh.

**2.Năng lực :**

**-**  Năng lực chứng minh các đoạn thẳng bằng nhau, hai tam giác đồng dạng, các đường thẳng song song, tính độ dài đoạn thẳng, tính diện tích tam giác.

**3. Phẩm chất:** *Tự lực, chăm chỉ, vượt khó.*

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

**1. Giáo viên:** SGK, giáo án, thước kẻ, bảng phụ..

**2. Học sinh:** SGK, dụng cụ học tập.

**3. Bảng tham chiếu các mức yêu cầu cần đạt của câu hỏi, bài tập, kiểm tra, đánh giá:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Nhận biết**  **(M1)** | **Thông hiểu**  **(M2)** | **Vận dụng**  **(M3)** | **Vận dụng cao**  **(M4)** |
| Ôn tập chương III | Thuộc các định lý trong chương III | Vẽ được hình, biết tìm cách chứng minh. | CM các đoạn thẳng bằng nhau, các đường thẳng song song, tính độ dài đoạn thẳng, diện tích tam giác. | Tính độ dài đoạn thẳng. |

**III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**1. HOẠT ĐỘNGKHỞI ĐỘNG:**

**2.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**3.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP.**

**HOẠT ĐỘNG 1: Ôn tập lý thuyết**

- Mục tiêu: Giúp HS nhớ lại các kiến thức đã học về tam giác đồng dạng.

- Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.

- Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân

- Phương tiện dạy học: SGK

- Sản phẩm: Trả lời các câu hỏi ôn tập chương III

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **SẢN PHẨM.** |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  - Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trong phần ôn tập  HS : Đứng tại chỗ trả lời  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I- Ôn tập lý thuyết:**  1. AB, CD tỉ lệ với A’B’, C’D’.khi C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps63.png  2. Định lý Ta-lét, định lý Ta-lét đảo, hệ quả định lý Ta-lét  3. Tính chất đường phân giác trong tam giác  4. Hai tam giác đồng dạng  5. Ba trường hợp đồng dạng của tam giác  6. Trường hợp đồng dạng đặc biệt của tam giác vuông. |

**HOẠT ĐỘNG 2: Giới thiệu các dạng bài**

***Mục tiêu***: giúp học sinh hình thành nội dung kiến thức và các dạng bài tập cũng như các ứng dụng của tam giác đồng dạng.

***Phương pháp:*** thuyết trình

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **SẢN PHẨM** |
| Gv: nội dung các dạng bài | 1. Xác định tỉ số của hai đoạn thẳng  2. Chứng minh hai đoạn thẳng song song.  3. Chứng minh tam giác đồng dạng, tính tỉ số của hai đoạn thẳng , tỉ số diện tích. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

- Mục tiêu: Rèn kỹ năng vận dụng định lý Ta-lét, Ta-lét đảo, tính chất đường phân giác trong tam giác, các trường hợp đồng dạng của tam giác vào giải các bài tập.

- Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.

- Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm.

- Phương tiện dạy học: SGK, thước

- Sản phẩm: CM các đoạn thẳng bằng nhau, các đường thẳng song song, tính độ dài đoạn thẳng, diện tích tam giác.

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **SẢN PHẨM** |
| *GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:*  \* Làm BT 58 SGK  - Gọi HS đọc bài toán  GV: hướng dẫn vẽ hình, HS vẽ hình vào vở  GV: yêu cầu HS hoạt động cặp đôi chứng minh BK = CH  HS CM, cử đại diện lên bảng trình bày  GV nhận xét, đánh giá  GV: So sánh AK, AH.  HS: AB = AC; BK = CHC:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps64.pngAK = AH  GV: Chứng minh KH // BC? Áp dụng kiến thức nào?  HS: C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps65.png => KH // BC (đl Talet đảo)  1 HS lên bảng làm bài, các HS khác làm bài vào vở  GV nhận xét, đánh giá  GV: Dựa vào hướng dẫn SGK, giải thích vì sao C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps66.pngIAC C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps67.jpg C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps68.pngHBC ?  HS : C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps69.png900, C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps70.png chung  GV: Tính HC như thế nào?  HS: C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps71.pngIAC C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps72.jpg C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps73.pngHBC  C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps74.png C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps75.pngC:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps76.pngC:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps77.png  GV: Tính HK?  HS: KH// BC C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps78.png C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps79.png  C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps80.png KH= C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps81.png  1 HS lên bảng làm, các HS khác làm vào vở  GV nhận xét, đánh giá,chốt kiến thức.  \* Làm BT 60/92 SGK   - Gọi HS đọc bài toán  GV: hướng dẫn vẽ hình, HS vẽ hình vào vở  GV: C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps82.png có đặc điểm gì đặc biệt?  HS: là nửa tam giác đều cạnh BC  GV: So sánh AB và BC?  HS: C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps83.png  GV: Dựa vào kiến thức nào để tính C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps84.png?  HS: Tính chất đường phân giác của tam giác  GV: Gọi 1 HS lên bảng trình bày, các HS khác làm bài vào vở  GV nhận xét, đánh giá  GV: Yêu cầu HS hoạt động nhóm tính chu vi và diện tích của tam giác ABC.  HS tính, cử đại diện nhóm lên bảng trình bày  *GV nhận xét, đánh giá* | **BT 58/92 SGK**:  a) Chứng minh BK = CH  Xét C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps85.png và C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps86.png có: C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps87.png  C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps88.pngBC: cạnh chung  C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps89.png  (vì C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps90.pngcân tại A)  C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps91.pngC:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps92.png=C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps93.png (ch-gn)  C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps94.png BK = CH (đpcm)  b) Chứng minh KH //BC:  Ta có: AB = AC; BK = CH  C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps95.pngAK = AH  C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps96.png  (định lí Ta-lét đảo)  c) Vẽ đường cao AI của C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps97.pngABC  Xét C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps98.pngIAC và C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps99.pngHBC có: C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps100.png900, C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps101.png chung  C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps102.png C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps103.pngIAC C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps104.jpg C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps105.pngHBC (g-g)  C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps106.pngC:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps107.pngC:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps108.pngC:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps109.pngC:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps110.pngC:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps111.png  C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps112.pngAH = b-C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps113.png  KH// BC C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps114.png C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps115.png(hệ quả của định lý Talet)  C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps116.pngC:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps117.pngKH= C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps118.png  **BT 60/92 SGK**:  C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps119.pnga) Tam giác ABC có:  C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps120.png  C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps121.pngC:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps122.png là nửa tam  giác đều cạnh BC  C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps123.png  Vì BD là đường phân giác của C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps124.png nên :  C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps125.png.  b) BC = 2AB = 2.12,5 = 25 (cm).  Áp dụng định lý Pytago vào C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps126.png, ta có:  C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps127.png  Gọi P và S theo thứ tự là chu vi và diện tích của tam giác ABC, ta có :  P = AB + BC + CA = 59,15 (cm)  S = C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml6020\wps128.pngAB.AC = 135,31 (cm2) |

**4.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

- Học kĩ toàn bộ kiến thức của chương, học phần tóm tắt SGK/89, 90, 91.

- BTVN : 59, 62/92 SGK.

- Chuẩn bị bài ” Hình hộp chữ nhật ”

**\* CÂU HỎI/ BÀI TẬP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HS:**

Câu 1: Nhắc lại định lý Ta-let, định lý Ta-let đảo, tính chất đường phân giác trong tam giác, các trường hợp đồng dạng của tam giác.

Câu 2: Bài 58 sgk (M2, M3)

Câu 3: Bài 60 sgk (M3, M4)